



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIAO NHẬN TNT  
TNT Forwarding Services Joint Stock Company

VP Hà Nội: Lô 6B(số 10), ngõ 110, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội  
ĐT: 024.33.33.55.88/ Fax: 0243.67.85.888 \* Hotline: 0946.28.28.28 - 0854.33.55.88 - 0946.28.13.13  
Chi nhánh Đà Nẵng: Số 124 Duy Tân, P. Hòa Thuận Tây, Q.Hải Châu TP. Đà Nẵng  
ĐT: 0903.565.888  
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh: Số 69/2 Trần Quốc Hoàn, P.2, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: 0946.888.659/ Fax: 0283.9977.697 \* Hotline: 0945.28.13.13

Hà nội, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: Quý Khách hàng

Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Giao Nhận TNT xin gửi tới Quý Khách Hàng bảng báo giá cước vận chuyển hàng hóa áp dụng từ ngày 12/03/2026, trên đường bay nội địa xuất phát tại Hà Nội như sau :

I. ĐỐI VỚI HÀNG HÓA THÔNG THƯỜNG

1. HÀNH TRÌNH HAN-SGN

\* BAY VIETNAM AIRLINE (VN)

| Hình thức vận chuyển | Thời gian cất hàng                                       | Loại hàng                                  | 2kg đầu | Kg tiếp theo | >10kg  | >100kg | >300kg |
|----------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------|--------------|--------|--------|--------|
| EXPRESS (Nhóm 1)     | Cất chuyến 18h00 và 23h<br>(Lịch bay tùy thuộc của hãng) | Hàng hóa thông thường, thư từ, tài liệu... | 80.000  | 24.500       | 24.500 | 24.000 | 23.500 |
| CARGO                | Cất 16h và 23h<br>(Lịch bay tùy thuộc của hãng)          | Hàng hóa thông thường, thư từ, tài liệu... | 50.000  | 17.500       | 17.500 | 17.000 | 16.500 |
| CHUYỂN TẢI (PKT)     | Cất 18h và 18h30<br>(Lịch bay tùy thuộc của hãng)        | Hàng hóa thông thường, thư từ, tài liệu... | 40.000  | 12.500       | 12.500 | 12.000 | 11.500 |

2. HÀNH TRÌNH HAN-DAD (VIETNAM AIRLINE):

| Hình thức vận chuyển | Thời gian cất hàng                                      | Loại hàng                                  | 2kg đầu | kg tiếp theo | >10kg  | >100kg | >300kg |
|----------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------|--------------|--------|--------|--------|
| EXPRESS (Nhóm 1)     | 23h00<br>(Lịch bay từ 6h00 tùy thuộc lịch bay của hãng) | Hàng hóa thông thường, thư từ, tài liệu... | 40.000  | 16.000       | 16.000 | 15.500 | 15.000 |

II. ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NGUY HIỂM, MẪN CẢM, NHẠY CẢM

1. HÀNH TRÌNH HAN-SGN

| Hình thức vận chuyển | Thời gian cất hàng                         | Loại hàng                                                                                                      | 2kg đầu | kg tiếp theo | >20kg  |
|----------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------|--------|
| EXPRESS (NHÓM 1)     | 18h30 và 23h (tùy thuộc lịch bay của hãng) | Hàng: Mẫu máu, mẫu bệnh phẩm,...                                                                               | 800.000 | 101.500      | 81.500 |
|                      |                                            | Hàng nguy hiểm: pin, nến, nước hoa, mật ong, đồng hồ...                                                        | 200.000 |              | 41.500 |
|                      |                                            | Hàng mẫn cảm: thực phẩm, vaccin, mỹ phẩm dạng bột, nước, tinh dầu, chất thử, rau, củ, quả, hoa tươi, socola... | 150.000 |              | 36.500 |
|                      |                                            | Củ, quả khô, bánh kẹo, măng, miến, mộc nhĩ, nấm hương...                                                       | 100.000 |              | 31.500 |
| CARGO                | 16h30 và 23h (tùy thuộc lịch bay của hãng) | Hàng nguy hiểm: pin, nến, nước hoa, mật ong, đồng hồ...                                                        | 150.000 |              | 36.500 |
|                      |                                            | Hàng mẫn cảm: thực phẩm, vaccin, mỹ phẩm dạng bột, nước, tinh dầu, chất thử, rau, củ, quả, hoa tươi, socola... | 100.000 |              | 31.500 |
|                      |                                            | Củ, quả khô, bánh kẹo, măng, miến, mộc nhĩ, nấm hương...                                                       | 60.000  |              | 23.500 |

2. HÀNH TRÌNH HAN-DAD

| Hình thức vận chuyển | Thời gian cất hàng                  | Loại hàng                                                                                                      | 2kg đầu | kg tiếp theo | >20kg  |
|----------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------|--------|
| EXPRESS              | 23h00 (tùy thuộc lịch bay của hãng) | Hàng nguy hiểm: pin, nến, nước hoa, mật ong, đồng hồ...                                                        | 120.000 |              | 24.000 |
|                      |                                     | Hàng mẫn cảm: thực phẩm, vaccin, mỹ phẩm dạng bột, nước, tinh dầu, chất thử, rau, củ, quả, hoa tươi, socola... | 90.000  |              | 22.000 |
|                      |                                     | Củ, quả khô, bánh kẹo, măng, miến, mộc nhĩ, nấm hương...                                                       | 70.000  |              | 20.000 |

3. HÀNG VUN ( áp dụng với tất cả chặng bay)

| STT | Loại Hàng             | Đơn vị tính | Đơn giá ( VNĐ/Chiếc) |
|-----|-----------------------|-------------|----------------------|
| 1   | LAPTOP                | chiếc       | 200.000              |
| 2   | IPAD                  | chiếc       | 150.000              |
|     | Không nhận điện thoại |             |                      |

II. ĐIỀU KHOẢN ÁP DỤNG CHUNG

1. Mức cước trên đã bao gồm thuế VAT.Không bao gồm phí lấy- giao địa chỉ, đóng gói, thuê xe, kê ballet, nâng đỡ. Không hoàn lại thuế đối với khách hàng không lấy hóa đơn VAT.
2. Báo giá áp dụng kể từ ngày 12/03/2026 cho đến khi có thông báo mới.
3. Những kiện hàng nặng từ 100kg trở lên sẽ phải chịu thêm phí nâng đỡ 02 đầu là 150.000đ/kiện

4. Không nhận hàng nguy hiểm: Pin, áo phao, hạt nhựa, điện thoại, ắc quy, hàng hóa dạng bột không có tem nhãn, dung dịch dạng lỏng có axit, có chất ăn mòn ....không có giấy tờ, nguồn gốc xuất xứ.

5. Bắt buộc đối với hàng dễ vỡ, dễ móp méo, hay dễ hư hỏng, phải đóng kiện gỗ/thùng xốp- cuộn màng co và phải kê khai đầy đủ thông tin để đảm bảo chất lượng cũng như thời gian bay của lô hàng. Trường hợp khách hàng khai sai thông tin lô hàng hoặc đóng gói ko đảm bảo, TNT hoàn toàn không chịu trách nhiệm nếu có sự cố xảy ra.

- Đối với hàng hóa công kênh, kích thước hàng hóa không vượt quá kích thước thân tàu (dài x rộng x cao), cụ thể :

Tàu bé : D2m x R1.5m x C1m.

Tàu to : D3.18m x R2.4m x C1.6m

- Trọng lượng tính cước đối với kiện hàng công kênh sẽ được tính theo kích thước quy định của các Hãng hàng không: Dài x Rộng x Cao /6000.

6. Đối với hàng hóa trên 500kg, hàng bay gấp, hàng VUN, hoặc muốn bay awb riêng, Quý Khách vui lòng liên hệ trực tiếp với Mr : Hùng . Sdt: 0946.28.28.28

7. Địa chỉ giao nhận hàng hóa:

Nhận tại sân bay Nội Bài. ĐT : Mr Cảnh : 0946 28 21 21/Mr. Đô: 0946.28.20.20

+ **Hà Nội:** Nhận tại Văn phòng Công ty: Số 10 ngõ 110 Trung Kính, Q Cầu Giấy, HN. Số ĐT: 0854.33.55.88.  
Hotline: 0946.28.12.12

+ **HCM:** Nhận tại Sân bay Tân Sơn Nhất. ĐT : Mr Đạo 0916.58.52.82.  
Nhận tại Văn phòng Công ty: Số 69/2 Trần Quốc Hoàn, P2, Quận Tân Bình, TP HCM.  
Hotline : 0946.888.659 / 0945.28.13.13

+ **Đà Nẵng:** Nhận tại Văn phòng Công ty: Số 124 Duy Tân, P. Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng,  
Liên Hệ Mr Thiện: 0903.565.888

8.Đối với các chặng bay lẻ, bay awb riêng-báo giá áp dụng theo báo giá riêng.Giờ bay sẽ được thông báo cụ thể khi gửi hàng.

**LƯU Ý:** Thời gian cất hàng sẽ thay đổi do phụ thuộc vào lịch bay của Hãng hàng không

**CTY CP DỊCH VỤ GIAO NHẬN TNT**

